

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIAO MINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIAO THIÊN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
NĂM HỌC 2025 – 2026

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vũ Bình Xuyên	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Lê Xuân Quý	P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Đinh Thị Huế	GV	Thư ký Hội đồng	
4	Phạm Thị Hạnh	GV	Ủy viên Hội đồng	
5	Trịnh Thị Nhung	GV	Ủy viên Hội đồng	
6	Vũ Thị Tươi	Văn thư	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn T.Thu Hường	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	

Ninh Bình, tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	...
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	2
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	5
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	5
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	7
I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học	7
1. Tiêu chí 1.1	8
2. Tiêu chí 1.2	10
3. Tiêu chí 1.3	11
4. Tiêu chí 1.4	14
5. Tiêu chí 1.5	15
6. Tiêu chí 1.6	18
7. Tiêu chí 1.7	20
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học</i>	22
II. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	23
1. Tiêu chí 2.1	24
2. Tiêu chí 2.2	25
3. Tiêu chí 2.3	27
4. Tiêu chí 2.4	30
<i>Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục</i>	32
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	34
Phần IV. PHỤ LỤC	36

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Kết quả đạt)

Tiêu chí	Kết quả đạt		
	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học			x
Tiêu chí 1.1			x
Tiêu chí 1.2			x
Tiêu chí 1.3			x
Tiêu chí 1.4			x
Tiêu chí 1.5			x
Tiêu chí 1.6			x
Tiêu chí 1.7			x
Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục			x
Tiêu chí 2.1			x
Tiêu chí 2.2			x
Tiêu chí 2.3			x
Tiêu chí 2.4			x

Kết quả: Đạt Mức độ 3

2. Kết luận về mức độ chuyển đổi số: Đạt mức độ 3

Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tỉnh: Ninh Bình

Xã: Giao Minh

Điện thoại: 0981172799

Email: tiuehocgiaothiengt@gmail.com

Website: <https://thgiaothien.ninhbinh.edu.vn>

Đạt mức độ chuyển đổi số

1. Số học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên

Số học sinh: 823

Cán bộ quản lý: 3

Giáo viên: 36 (2 HĐLĐ)

Nhân viên: 3 (1 HĐLĐ)

2. Nhân sự thực hiện chuyển đổi số

Nhà trường đã thành lập Tổ công tác chuyển đổi số để tham mưu, chỉ đạo và tổ chức triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học và quản trị nhà trường.

Tổng số nhân sự tham gia thực hiện chuyển đổi số: 42 người, gồm:

Hiệu trưởng: Trưởng ban chỉ đạo chuyển đổi số, chịu trách nhiệm chung về công tác chuyển đổi số của nhà trường.

Phó Hiệu trưởng: Phó Trưởng ban, phụ trách triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong công tác chuyên môn, quản lý và điều hành.

Nhân viên phụ trách công nghệ thông tin: Tham mưu xây dựng kế hoạch, quản trị hệ thống mạng, hỗ trợ kỹ thuật và triển khai các phần mềm dùng chung.

Tổ trưởng chuyên môn: Tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và xây dựng học liệu số.

Giáo viên Tin học: Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn giáo viên và học sinh sử dụng các nền tảng số.

Giáo viên các lớp: Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác học liệu số, sử dụng các phần mềm quản lý và dạy học trực tuyến.

Nhân viên văn thư, kế toán, thư viện, y tế học đường: Thực hiện các nhiệm vụ quản lý hồ sơ, tài chính, thư viện và dữ liệu học sinh trên môi trường số.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cấp tài khoản và sử dụng các hệ thống số phục vụ công tác quản lý, điều hành và dạy học; tích cực tham gia

các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực số do ngành giáo dục và các cơ quan chuyên môn tổ chức.

3. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin

Nhà trường quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường.

100% phòng làm việc của cán bộ quản lý, văn phòng được trang bị máy tính có kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Hệ thống mạng Internet cáp quang được phủ sóng tại các khu vực làm việc, phòng học và các phòng chức năng, đảm bảo phục vụ hoạt động dạy học và quản lý.

Nhà trường có phòng Tin học với đầy đủ máy tính phục vụ giảng dạy môn Tin học và tổ chức các hoạt động giáo dục có ứng dụng công nghệ thông tin.

Các phòng học được trang bị thiết bị trình chiếu như tivi thông minh, máy chiếu, màn chiếu và các thiết bị hỗ trợ dạy học khác, tạo điều kiện cho giáo viên khai thác học liệu số và tổ chức các hoạt động dạy học trực quan, sinh động.

Hệ thống máy tính của nhà trường được cài đặt các phần mềm phục vụ quản lý, dạy học và bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

Nhà trường sử dụng các phần mềm quản trị nhà trường, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, sổ điểm điện tử, học bạ số, phần mềm kế toán, quản lý văn bản và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số khác.

Website nhà trường được duy trì hoạt động thường xuyên, cập nhật đầy đủ các thông tin về hoạt động giáo dục, công tác quản lý và các văn bản chỉ đạo của ngành.

Thiết bị công nghệ thông tin được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ; hệ thống điện, mạng và các thiết bị hỗ trợ luôn được duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của nhà trường.

Nhìn chung, cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra đánh giá, quản trị và cung cấp dịch vụ giáo dục trực tuyến.

4. Các số liệu khác (nếu có)

100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được cấp tài khoản và sử dụng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hộp thư điện tử và các nền tảng số trong trao đổi công việc, quản lý và dạy học.

100% hồ sơ, báo cáo định kỳ của nhà trường được thực hiện trên môi trường mạng theo quy định của ngành.

100% học sinh có hồ sơ được cập nhật trên phần mềm quản lý nhà trường và Cơ sở dữ liệu ngành.

Nhà trường triển khai sổ điểm điện tử, học bạ số theo lộ trình của ngành giáo dục.

Tỷ lệ giáo viên có khả năng khai thác và sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ dạy học đạt trên 90%.

Tỷ lệ giáo viên xây dựng và sử dụng học liệu số, bài giảng điện tử trong giảng dạy đạt trên 80%.

Nhà trường thực hiện trao đổi thông tin với phụ huynh học sinh thông qua các nền tảng số như ứng dụng kết nối gia đình – nhà trường, website, nhóm lớp trực tuyến.

Công tác thu các khoản dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt được triển khai và từng bước nâng cao tỷ lệ phụ huynh tham gia thanh toán trực tuyến.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và năng lực chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Các số liệu trên cho thấy nhà trường đã từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả quản lý.

Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Giao Thiện được thành lập theo Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 5/7/2019 của UBND huyện Giao Thủy, có nhiệm vụ tổ chức các hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Trong năm học 2025–2026, nhà trường có tổng số 42 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và 823 học sinh được biên chế thành 25 lớp.

Trong những năm qua, nhà trường luôn quan tâm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, dạy học và các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hằng năm; thành lập bộ phận phụ trách công nghệ thông tin và chuyển đổi số; triển khai sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý nhà trường, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, sổ điểm điện tử, học bạ số, phần mềm quản lý tài chính, thư viện và các nền tảng phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có tinh thần trách nhiệm, tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực số, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của nhà

trường tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản trị nhà trường.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai chuyển đổi số vẫn còn một số khó khăn như: cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ thông tin chưa thật sự đồng bộ; nguồn kinh phí đầu tư còn hạn chế; kỹ năng khai thác và sử dụng công nghệ số của một số cán bộ, giáo viên chưa đồng đều; việc xây dựng và khai thác học liệu số cần được tiếp tục đẩy mạnh.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhà trường tiến hành tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025–2026 nhằm:

Đánh giá thực trạng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học và quản trị nhà trường theo các tiêu chí quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xác định những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình triển khai chuyển đổi số.

Làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục và quản lý nhà trường.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đối với nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

Cung cấp thông tin, minh chứng phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá của các cấp quản lý giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục về đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục, nhà trường đã ban hành quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025–2026; xây dựng kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

Hội đồng tự đánh giá đã tổ chức nghiên cứu các văn bản hướng dẫn, rà soát hồ sơ, thu thập minh chứng, đối chiếu các yêu cầu của từng tiêu chí, tiến hành đánh giá khách quan, trung thực theo đúng quy định. Các minh chứng được tập hợp, sắp xếp khoa học và mã hóa để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường xác định một số kết quả nổi bật như:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số được quan tâm và triển khai thường xuyên.

Các phần mềm quản lý nhà trường, cơ sở dữ liệu ngành, sổ điểm điện tử và học bạ số được sử dụng hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

Hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyển đổi số.

Công tác số hóa hồ sơ, dữ liệu giáo dục được thực hiện ngày càng đồng bộ.

Việc trao đổi thông tin giữa nhà trường với phụ huynh học sinh được thực hiện thông qua nhiều nền tảng số, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giáo dục.

Kết quả tự đánh giá là cơ sở quan trọng để nhà trường tiếp tục xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Mở đầu:

Chuyển đổi số trong dạy, học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và phát triển năng lực người học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác học liệu số, triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến và xây dựng môi trường học tập số đã trở thành yêu cầu tất yếu trong hoạt động giáo dục của nhà trường.

Trong những năm qua, nhà trường đã tích cực triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong dạy học theo các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hoá xã. Nhà trường đã ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, quy chế dạy học trực tuyến; triển khai sử dụng các phần mềm hỗ trợ dạy học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng kế hoạch bài dạy, tổ chức các hoạt động giáo dục, kiểm tra đánh giá và quản lý kết quả học tập của học sinh.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, có khả năng khai thác các phần mềm, nền tảng số phục vụ công tác chuyên môn. Nhà trường từng bước xây dựng, bổ sung kho học liệu số, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi và các nguồn tài nguyên học tập phục vụ hoạt động dạy học. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động giáo dục trên môi trường số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc chuyển đổi số trong dạy học vẫn còn một số khó khăn như: nguồn học liệu số của nhà trường chưa thật sự phong phú; thiết bị công nghệ thông tin ở một số phòng học chưa đồng bộ; kỹ năng thiết kế học liệu số của một bộ phận giáo viên còn hạn chế; kinh phí đầu tư cho hạ tầng và thiết bị phục vụ chuyển đổi số còn gặp khó khăn.

Căn cứ các tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số trong dạy học, Hội đồng tự đánh giá tiến hành rà soát, thu thập minh chứng, đối chiếu với các yêu cầu của từng tiêu chí nhằm đánh giá khách quan thực trạng triển khai chuyển đổi số trong dạy học của nhà trường, xác định những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và đề ra các giải pháp cải tiến phù hợp trong thời gian tới.

1. Tiêu chí 1.1. Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp) (Điều kiện bắt buộc)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số năm học 2025–2026; đồng thời xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với dạy học trực tiếp phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị và các văn bản chỉ đạo của ngành giáo dục (MC1.1.01).

Kế hoạch đã xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung thực hiện, phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; quy định việc sử dụng các nền tảng số, học liệu số, phần mềm dạy học trực tuyến và các giải pháp bảo đảm chất lượng dạy học trên môi trường số (MC1.1.02).

Nhà trường tổ chức phổ biến kế hoạch đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; triển khai thực hiện thông qua các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn và các hoạt động tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (MC1.1.03).

Trong năm học, giáo viên đã chủ động khai thác các phần mềm hỗ trợ dạy học, xây dựng bài giảng điện tử, sử dụng học liệu số và tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến khi cần thiết. Việc thực hiện kế hoạch được kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường (MC1.1.04).

Nhà trường lưu trữ đầy đủ hồ sơ, minh chứng liên quan đến việc xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến theo quy định (MC1.1.05).

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến đầy đủ, đúng thời gian và phù hợp với các văn bản chỉ đạo của cấp trên.

Nội dung kế hoạch rõ ràng, cụ thể, có phân công trách nhiệm cho từng bộ phận và cá nhân.

100% cán bộ quản lý, giáo viên được quán triệt và triển khai thực hiện kế hoạch.

Đội ngũ giáo viên có ý thức ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, chủ động khai thác các phần mềm và học liệu số.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số trong dạy học.

c) Điểm yếu

Một số giáo viên còn hạn chế trong việc thiết kế học liệu số và khai thác các tính năng nâng cao của các nền tảng dạy học trực tuyến.

Hạ tầng công nghệ thông tin và thiết bị phục vụ dạy học trực tuyến chưa thật sự đồng bộ ở tất cả các phòng học.

Nguồn học liệu số của nhà trường còn chưa phong phú, chủ yếu dựa vào nguồn học liệu dùng chung của ngành.

Kinh phí dành cho việc nâng cấp thiết bị và phát triển học liệu số còn hạn chế.

d) Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2026–2027 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện Kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến theo hướng phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số và điều kiện thực tế của đơn vị.

Nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế bài giảng điện tử và học liệu số cho giáo viên; phấn đấu 100% giáo viên sử dụng thành thạo các nền tảng dạy học trực tuyến và công cụ hỗ trợ dạy học số.

Tiếp tục tham mưu với các cấp quản lý, huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học số; bổ sung hệ thống mạng Internet, thiết bị trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ dạy học hiện đại.

Khuyến khích giáo viên xây dựng, chia sẻ và sử dụng học liệu số trong giảng dạy; từng bước phát triển kho học liệu số của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

Ban Giám hiệu phân công bộ phận chuyên môn và bộ phận công nghệ thông tin thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết và điều chỉnh các giải pháp thực hiện khi cần thiết.

2. Tiêu chí 1.2: Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến (Điều kiện bắt buộc)

a) Mô tả hiện trạng

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo về tổ chức dạy học trực tuyến, nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến áp dụng trong toàn trường (MC1.2.01).

Quy chế quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc tổ chức dạy học trực tuyến; trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh

và cha mẹ học sinh; quy định về sử dụng hệ thống dạy học trực tuyến, học liệu số, kiểm tra đánh giá, lưu trữ hồ sơ và bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình tổ chức dạy học (MC1.2.02).

Sau khi ban hành, nhà trường đã tổ chức triển khai, quán triệt nội dung quy chế đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh thông qua các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn, họp phụ huynh học sinh và các hình thức tuyên truyền phù hợp (MC1.2.03).

Trong quá trình thực hiện, Ban Giám hiệu thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy chế; kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung cần thiết để phù hợp với thực tiễn triển khai dạy học trực tuyến và yêu cầu chuyển đổi số của nhà trường (MC1.2.04).

Các hồ sơ liên quan đến việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện quy chế được lưu trữ đầy đủ theo quy định (MC1.2.05).

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến đầy đủ, đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Nội dung quy chế cụ thể, rõ ràng, quy định đầy đủ trách nhiệm của các bộ phận, cá nhân tham gia dạy học trực tuyến.

Công tác phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện quy chế được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm 100% cán bộ quản lý, giáo viên nắm được nội dung quy chế.

Ban Giám hiệu thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến.

Ý thức chấp hành quy chế của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh cơ bản tốt.

c) Điểm yếu

Một số giáo viên và phụ huynh học sinh chưa khai thác hết các chức năng của hệ thống dạy học trực tuyến.

Việc cập nhật, điều chỉnh quy chế theo sự phát triển của các nền tảng công nghệ và yêu cầu chuyển đổi số cần được thực hiện thường xuyên hơn.

Một số nội dung hướng dẫn kỹ thuật trong quy chế cần được cụ thể hóa hơn để thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tế.

d) Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2026–2027, nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến theo các quy định mới của ngành giáo dục và yêu cầu thực tiễn của đơn vị.

Tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn sử dụng hệ thống dạy học trực tuyến cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh nhằm nâng cao hiệu quả khai thác các nền tảng số trong dạy học.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để điều chỉnh phù hợp.

Khuyến khích giáo viên ứng dụng hiệu quả các công cụ, phần mềm hỗ trợ dạy học trực tuyến; nâng cao chất lượng các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá trên môi trường số.

Phân công bộ phận chuyên môn và bộ phận công nghệ thông tin định kỳ đánh giá việc thực hiện quy chế, báo cáo Ban Giám hiệu để có giải pháp cải tiến phù hợp.

3. Tiêu chí 1.3. Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến (30 điểm)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã triển khai sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến phục vụ hoạt động dạy học, quản lý lớp học và hỗ trợ học sinh tự học. Hệ thống được lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp (blended learning) và các hoạt động giáo dục trên môi trường số (MC1.3.01).

Phần mềm dạy học trực tuyến được triển khai đến 100% cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh. Giáo viên sử dụng hệ thống để giao nhiệm vụ học tập, chia sẻ học liệu số, hướng dẫn học sinh tự học, tổ chức các hoạt động tương tác và kiểm tra đánh giá thường xuyên.

Hệ thống có các chức năng cơ bản như: quản lý lớp học trực tuyến, giao bài tập cho học sinh, tiếp nhận và chấm bài, trao đổi thông tin giữa giáo viên và học sinh, tổ chức kiểm tra đánh giá, lưu trữ học liệu và theo dõi kết quả học tập của học sinh (MC1.3.02).

Cha mẹ học sinh có thể theo dõi tình hình học tập, kết quả học tập và phối hợp với nhà trường trong việc quản lý, hỗ trợ học sinh học tập thông qua các kênh thông tin điện tử và các chức năng kết nối của hệ thống (MC1.3.03).

Nhà trường thường xuyên tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả các tính năng của phần mềm; đồng thời thực hiện kiểm tra, đánh giá việc sử dụng phần mềm trong hoạt động dạy học nhằm nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số (MC1.3.04).

1.3.1. Triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS/LCMS)

Nhà trường đã triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến đáp ứng yêu cầu quản lý nội dung học tập, quản lý lớp học và hỗ trợ tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến. Giáo viên có tài khoản truy cập và khai thác hệ thống để quản lý hoạt động dạy học của lớp học được phân công (MC1.3.05).

1.3.2. Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học

Hệ thống cho phép giáo viên giao bài tập, học liệu, nhiệm vụ học tập và hướng dẫn học sinh tự học trên môi trường số; học sinh có thể truy cập hệ thống để thực hiện nhiệm vụ và nộp sản phẩm học tập trực tuyến.

1.3.3. Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh

Hệ thống hỗ trợ trao đổi thông tin hai chiều giữa giáo viên và học sinh thông qua các công cụ nhắn tin, bình luận, diễn đàn hoặc các hình thức tương tác khác; giúp giáo viên giải đáp thắc mắc và hỗ trợ học sinh kịp thời trong quá trình học tập (MC1.3.6).

1.3.4. Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên

Phần mềm cho phép giáo viên xây dựng bài kiểm tra, câu hỏi trắc nghiệm, phiếu khảo sát và các hình thức đánh giá thường xuyên khác; kết quả được lưu trữ và hỗ trợ theo dõi quá trình học tập của học sinh (MC1.3.7).

1.3.5. Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh

Thông qua các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, cha mẹ học sinh có thể theo dõi việc học tập, nhận thông báo, phối hợp với giáo viên trong quản lý và hỗ trợ học sinh học tập (MC1.3.8).

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai và sử dụng hiệu quả phần mềm dạy học trực tuyến trong các hoạt động giáo dục.

100% giáo viên được cấp tài khoản và sử dụng hệ thống phục vụ công tác giảng dạy.

Hệ thống đáp ứng các chức năng cơ bản theo yêu cầu của tiêu chí.

Giáo viên tích cực sử dụng phần mềm để giao bài tập, chia sẻ học liệu và tổ chức các hoạt động học tập.

Việc phối hợp giữa nhà trường, giáo viên và phụ huynh học sinh được tăng cường thông qua các nền tảng số.

c) Điểm yếu

Một số giáo viên chưa khai thác hết các tính năng nâng cao của phần mềm.

Chất lượng kết nối Internet ở một số thời điểm còn ảnh hưởng đến việc sử dụng hệ thống.

Nguồn học liệu số trên hệ thống chưa thật sự phong phú và đa dạng.

Một bộ phận phụ huynh học sinh còn hạn chế trong việc sử dụng các ứng dụng hỗ trợ học tập trực tuyến.

d) Kế hoạch cải tiến

Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến; thường xuyên cập nhật các tính năng mới đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số.

Tổ chức các lớp tập huấn, sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao năng lực khai thác hệ thống cho giáo viên; khuyến khích giáo viên xây dựng học liệu số, ngân hàng câu hỏi và bài giảng điện tử để chia sẻ trên hệ thống.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm đường truyền Internet ổn định phục vụ hoạt động dạy học trực tuyến.

Tăng cường hướng dẫn phụ huynh học sinh sử dụng các ứng dụng kết nối với nhà trường; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong quản lý, hỗ trợ học sinh học tập.

e) Tự đánh giá

Số điểm đạt được: 25/30 điểm.

Đạt: Mức độ 3.

Kết luận về Tiêu chí 1.3: Nhà trường đã triển khai hiệu quả phần mềm dạy học trực tuyến với đầy đủ các chức năng theo yêu cầu; bảo đảm hỗ trợ hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá và phối hợp giữa nhà trường với phụ huynh học sinh. Tiêu chí 1.3 đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Mức độ 3.

4. Tiêu chí 1.4. Số hóa các học liệu (10 điểm)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc số hóa học liệu nhằm phục vụ công tác giảng dạy, học tập và đổi mới phương pháp giáo dục theo định hướng chuyển đổi số. Việc xây dựng, khai thác và sử dụng học liệu số được đưa vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường (MC1.4.01).

Giáo viên tích cực xây dựng và sử dụng các loại học liệu số như bài giảng điện tử, giáo án điện tử, video bài giảng, hình ảnh, tư liệu trực quan, ngân hàng câu hỏi, đề kiểm tra, tài liệu tham khảo và các học liệu số khác phục vụ hoạt động dạy học (MC1.4.02).

Nhà trường đã tổ chức lưu trữ học liệu số trên các nền tảng dùng chung như kho dữ liệu điện tử của nhà trường, hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS), thư mục dùng chung trên môi trường mạng hoặc các nền tảng số phù hợp để giáo viên thuận tiện khai thác và sử dụng (MC1.4.03).

Các tổ chuyên môn thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chia sẻ học liệu số, bài giảng điện tử và kinh nghiệm ứng dụng

công nghệ thông tin trong giảng dạy. Nhiều học liệu số được giáo viên sử dụng hiệu quả trong các hoạt động dạy học trên lớp và dạy học trực tuyến (MC1.4.04).

Nhà trường khuyến khích giáo viên tham gia xây dựng học liệu số dùng chung của ngành giáo dục, khai thác các nguồn học liệu mở, học liệu số của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hoá xã nhằm làm phong phú nguồn tài nguyên phục vụ dạy học

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai việc số hóa học liệu một cách thường xuyên.

Đội ngũ giáo viên có tinh thần chủ động trong việc xây dựng, chia sẻ và sử dụng học liệu số.

Nhiều bài giảng điện tử, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi và tài liệu số đã được xây dựng và đưa vào sử dụng hiệu quả.

Các tổ chuyên môn duy trì việc chia sẻ học liệu số trong sinh hoạt chuyên môn.

Học liệu số góp phần nâng cao chất lượng dạy học, tăng tính trực quan và phát huy tính tích cực của học sinh.

c) Điểm yếu

Số lượng học liệu số tự xây dựng chưa thật sự phong phú ở tất cả các môn học.

Chất lượng một số học liệu số chưa đồng đều giữa các giáo viên.

Việc chuẩn hóa, phân loại và lưu trữ học liệu số theo hệ thống còn cần được tiếp tục hoàn thiện.

Một số giáo viên còn hạn chế về kỹ năng thiết kế video bài giảng, học liệu tương tác và học liệu đa phương tiện.

d) Kế hoạch cải tiến

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch phát triển học liệu số theo từng môn học, từng khối lớp; phấn đấu tăng số lượng và nâng cao chất lượng học liệu số được xây dựng hằng năm.

Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng điện tử, video bài giảng, học liệu tương tác và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng học liệu số cho giáo viên.

Xây dựng và hoàn thiện kho học liệu số dùng chung của nhà trường; thực hiện phân loại, cập nhật và lưu trữ học liệu khoa học, thuận tiện cho việc khai thác và sử dụng.

Khuyến khích giáo viên tham gia các cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử, học liệu số; chia sẻ học liệu chất lượng cao trong tổ chuyên môn và toàn trường.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và sử dụng học liệu số trong hoạt động dạy học; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm.

e) Tự đánh giá

Số điểm đạt được: 10/10 điểm.

Đạt: Mức độ 3.

Kết luận về Tiêu chí 1.4: Nhà trường đã triển khai hiệu quả công tác số hóa học liệu; đội ngũ giáo viên tích cực xây dựng, khai thác và sử dụng học liệu số trong dạy học. Học liệu số từng bước được chuẩn hóa, lưu trữ và chia sẻ phục vụ hoạt động chuyên môn, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Tiêu chí 1.4 ở Mức độ 3.

5. Tiêu chí 1.5. Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập (20 điểm)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng đổi mới giáo dục và chuyển đổi số. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác và phù hợp với đặc điểm của học sinh tiểu học (MC1.5.01).

Giáo viên sử dụng các phần mềm, nền tảng số và công cụ trực tuyến để xây dựng ngân hàng câu hỏi, tổ chức kiểm tra, khảo sát, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; đồng thời khai thác các ứng dụng hỗ trợ kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kết quả học tập của học sinh (MC1.5.02).

Kết quả kiểm tra, đánh giá được cập nhật, lưu trữ và quản lý trên hệ thống phần mềm quản lý nhà trường, sổ điểm điện tử và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Việc tổng hợp, theo dõi và phân tích kết quả học tập của học sinh được thực hiện thuận lợi, góp phần nâng cao chất lượng quản lý giáo dục (MC1.5.03).

1.5.1. Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính

Nhà trường có phòng Tin học được trang bị máy tính kết nối Internet phục vụ giảng dạy môn Tin học và tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá trên máy tính khi phù hợp với điều kiện thực tế. Giáo viên đã từng bước triển khai các hình thức kiểm tra trực tuyến, khảo sát trực tuyến và đánh giá kết quả học tập thông qua các phần mềm hỗ trợ (MC1.5.04).

Đối với các hoạt động khảo sát năng lực, ôn tập, kiểm tra trắc nghiệm, học sinh được hướng dẫn thực hiện trên máy tính hoặc các thiết bị điện tử phù hợp nhằm

nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và làm quen với môi trường học tập số (MC1.5.05).

1.5.2. Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường

Nhà trường sử dụng các phần mềm quản lý học sinh, sổ điểm điện tử và các nền tảng hỗ trợ kiểm tra, đánh giá có khả năng lưu trữ, cập nhật và chia sẻ dữ liệu kết quả học tập. Kết quả kiểm tra được cập nhật kịp thời vào hệ thống quản trị nhà trường, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, theo dõi và báo cáo (MC1.5.06).

Việc kết nối dữ liệu giữa các phần mềm quản lý, sổ điểm điện tử và cơ sở dữ liệu ngành được thực hiện theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác dữ liệu giáo dục (MC1.5.07).

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Giáo viên chủ động sử dụng các phần mềm và công cụ trực tuyến để xây dựng đề kiểm tra, khảo sát và đánh giá học sinh.

Kết quả kiểm tra, đánh giá được cập nhật và quản lý trên các hệ thống phần mềm, giúp tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả quản lý.

Học sinh từng bước được tiếp cận với các hình thức kiểm tra, đánh giá trên môi trường số.

Dữ liệu kết quả học tập được lưu trữ và khai thác thuận lợi phục vụ công tác quản lý, báo cáo và phân tích chất lượng giáo dục.

c) Điểm yếu

Việc tổ chức kiểm tra trên máy tính chưa được triển khai thường xuyên ở tất cả các khối lớp do điều kiện cơ sở vật chất và đặc điểm lứa tuổi học sinh.

Số lượng máy tính phục vụ kiểm tra đồng thời còn hạn chế.

Một số giáo viên còn hạn chế trong việc xây dựng ngân hàng câu hỏi và thiết kế các bài kiểm tra trực tuyến có tính tương tác cao.

Hệ thống phần mềm kiểm tra trực tuyến chưa được khai thác tối đa các chức năng nâng cao.

d) Kế hoạch cải tiến

Trong năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra, đánh giá; tăng cường sử dụng các công cụ số để tổ chức khảo sát, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ phù hợp với từng khối lớp.

Tổ chức tập huấn cho giáo viên về xây dựng ngân hàng câu hỏi, thiết kế bài kiểm tra trực tuyến, khai thác dữ liệu đánh giá và sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ kiểm tra, đánh giá.

Tiếp tục tham mưu đầu tư, nâng cấp phòng Tin học, bổ sung máy tính và thiết bị công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu tổ chức kiểm tra, đánh giá trên môi trường số.

Tăng cường xây dựng ngân hàng câu hỏi dùng chung của nhà trường; đẩy mạnh việc kết nối và đồng bộ dữ liệu kết quả học tập với hệ thống quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

e) Tự đánh giá

Số điểm đạt được: 20/20 điểm.

Đạt: Mức độ 3.

Kết luận về Tiêu chí 1.5: Nhà trường đã triển khai hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập; từng bước thực hiện các hình thức đánh giá trên môi trường số và quản lý kết quả học tập bằng phần mềm. Dữ liệu kết quả học tập được lưu trữ, khai thác và kết nối phục vụ công tác quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu của Tiêu chí 1.5 ở Mức độ 3.

6. Tiêu chí 1.6. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số (20 điểm)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường xác định phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng dạy học và hiệu quả quản lý. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (MC1.6.01).

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tạo điều kiện tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức; đồng thời tích cực tự học, tự bồi dưỡng thông qua các nền tảng học tập trực tuyến và các khóa học trên môi trường số (MC1.6.02).

1.6.1. Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu

Nhà trường đã triển khai việc đăng ký và sử dụng tài khoản trên các hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến theo quy định của ngành. Đến thời điểm tự đánh giá, 100% giáo viên được cấp tài khoản và thường xuyên tham gia các khóa bồi dưỡng trực tuyến, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (MC1.6.03).

1.6.2. Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác, sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học

Phần lớn giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng, phần mềm quản lý nhà trường, các công cụ hỗ trợ thiết kế bài giảng điện tử, phần mềm dạy học trực tuyến và các ứng dụng phục vụ đổi mới phương pháp dạy học. Giáo viên tích cực khai thác các nền tảng số để tổ chức các hoạt động học tập, kiểm tra đánh giá và tương tác với học sinh (MC1.6.04).

Tỷ lệ giáo viên sử dụng hiệu quả các phần mềm, công cụ hỗ trợ dạy học đạt mức cao, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông và chuyển đổi số trong giáo dục.

1.6.3. Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử

Giáo viên trong nhà trường đã chủ động xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi và các tài nguyên học tập số phục vụ hoạt động dạy học. Nhiều giáo viên có khả năng sử dụng các phần mềm thiết kế bài giảng, chỉnh sửa hình ảnh, video và xây dựng các sản phẩm học liệu số có chất lượng (MC1.6.05).

Các tổ chuyên môn thường xuyên tổ chức chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ giáo viên trong việc thiết kế và sử dụng học liệu số; góp phần nâng cao năng lực số của đội ngũ và phát triển kho học liệu số của nhà trường (MC1.6.06).

b) Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm xây dựng kế hoạch phát triển năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

100% giáo viên có tài khoản trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến và tham gia các khóa bồi dưỡng theo quy định.

Đội ngũ giáo viên có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Phần lớn giáo viên sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ dạy học và quản lý.

Giáo viên chủ động xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số và chia sẻ trong các hoạt động sinh hoạt chuyên môn.

c) Điểm yếu

Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin giữa các giáo viên chưa thật sự đồng đều.

Một số giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc khai thác các công nghệ mới và các nền tảng số hiện đại.

Kỹ năng thiết kế học liệu số tương tác, video bài giảng chuyên sâu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học còn hạn chế ở một bộ phận giáo viên.

Thời gian dành cho tự học, tự bồi dưỡng của một số giáo viên còn hạn chế do khối lượng công việc chuyên môn.

d) Kế hoạch cải tiến

Nhà trường tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong thực hiện chuyển đổi số.

Tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế bài giảng điện tử, xây dựng học liệu số, khai thác trí tuệ nhân tạo và các công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại.

Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên có năng lực công nghệ thông tin tốt trong việc hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp; đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo hướng chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau.

Khuyến khích giáo viên tham gia các khóa học trực tuyến, các cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử, học liệu số và các hoạt động chuyên môn liên quan đến chuyển đổi số.

Định kỳ đánh giá năng lực số của đội ngũ để xây dựng các nội dung bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu thực tế của từng cá nhân và từng tổ chuyên môn.

e) Tự đánh giá

Số điểm đạt được: 20/20 điểm.

Đạt: Mức độ 3.

Kết luận về Tiêu chí 1.6: Nhà trường đã thực hiện tốt công tác phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có nhận thức tích cực, thường xuyên tham gia bồi dưỡng và từng bước nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Tỷ lệ giáo viên sử dụng thành thạo các nền tảng số, xây dựng học liệu số và bài giảng điện tử đạt mức cao, đáp ứng yêu cầu của Tiêu chí 1.6 ở Mức độ 3

7. Tiêu chí 1.7. Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học (20 điểm)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ dạy học nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục. Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung, bảo trì và khai thác hiệu quả các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác dạy học và quản lý (MC1.7.01).

Hệ thống mạng Internet cáp quang được lắp đặt và duy trì hoạt động ổn định trong khuôn viên nhà trường; các phòng làm việc, phòng chức năng và phòng học cơ bản được kết nối Internet, đáp ứng yêu cầu khai thác tài nguyên số, sử dụng phần mềm dạy học và quản lý giáo dục.

1.7.1. Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy học và kết nối Internet trên tổng số phòng học

Nhà trường đã trang bị thiết bị trình chiếu như máy chiếu, tivi thông minh, màn hình tương tác và các thiết bị hỗ trợ khác tại các phòng học. Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu và kết nối Internet đạt mức cao, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác học liệu số trong quá trình giảng dạy (MC1.7.02).

Giáo viên thường xuyên sử dụng các thiết bị trình chiếu để tổ chức các hoạt động học tập trực quan, sinh động, góp phần nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực học sinh.

1.7.2. Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học

Nhà trường có phòng Tin học được trang bị máy tính phục vụ giảng dạy môn Tin học theo chương trình giáo dục phổ thông. Các thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học môn Tin học và các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường (MC1.7.03).

Máy tính được kết nối mạng Internet, cài đặt các phần mềm cần thiết phục vụ giảng dạy và học tập. Nhà trường thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa thiết bị định kỳ nhằm bảo đảm hoạt động ổn định và an toàn trong quá trình sử dụng (MC1.7.04).

b) Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

Hệ thống mạng Internet hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu khai thác tài nguyên số trong dạy học.

Tỷ lệ phòng học được trang bị thiết bị trình chiếu và kết nối Internet đạt mức cao.

Phòng Tin học được trang bị tương đối đầy đủ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy môn Tin học theo chương trình hiện hành.

Giáo viên tích cực khai thác, sử dụng thiết bị công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học.

c) Điểm yếu

Một số thiết bị công nghệ thông tin đã sử dụng nhiều năm, cấu hình chưa đáp ứng tốt các yêu cầu ứng dụng công nghệ mới.

Số lượng thiết bị trình chiếu hoặc máy tính tại một số phòng học còn hạn chế.

Kinh phí đầu tư, thay thế và nâng cấp thiết bị công nghệ thông tin còn gặp khó khăn.

Chưa xây dựng phòng Studio.

d) Kế hoạch cải tiến

Nhà trường tiếp tục tham mưu với cấp trên, đồng thời huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và thiết bị phục vụ chuyển đổi số trong dạy học.

Từng bước thay thế các thiết bị đã cũ, bổ sung máy tính, thiết bị trình chiếu, thiết bị ghi hình và các phương tiện hỗ trợ dạy học hiện đại nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Tiếp tục mở rộng vùng phủ sóng Internet không dây trong khuôn viên trường; nâng cao chất lượng đường truyền nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác học liệu số và tổ chức các hoạt động dạy học trực tuyến.

Khuyến khích giáo viên khai thác hiệu quả các thiết bị công nghệ thông tin hiện có; tăng cường xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử và ứng dụng công nghệ trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

Xây dựng lộ trình đầu tư phòng Studio hoặc khu vực hỗ trợ sản xuất học liệu số phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

e) Tự đánh giá

Số điểm đạt được: 20/20 điểm.

Đạt: Mức độ 3.

Kết luận về Tiêu chí 1.7: Nhà trường đã quan tâm đầu tư và khai thác hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị phục vụ dạy học và chuyển đổi số. Hệ thống mạng, phòng Tin học, thiết bị trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động giáo dục trên môi trường số. Tiêu chí 1.7 đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Mức độ 3.

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Qua quá trình tự đánh giá các tiêu chí thuộc Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học (từ Tiêu chí 1.1 đến Tiêu chí 1.7), nhà trường nhận thấy công tác chuyển đổi số trong hoạt động dạy học đã được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chuyển đổi số của ngành.

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các kế hoạch, quy chế tổ chức dạy học trực tuyến; triển khai hiệu quả các phần mềm dạy học trực tuyến, các nền tảng quản lý học tập và các công cụ hỗ trợ dạy học số. Công tác số hóa học liệu được thực hiện

thường xuyên, góp phần xây dựng nguồn học liệu số phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh từng bước được đẩy mạnh; kết quả học tập được quản lý trên các phần mềm chuyên dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác theo dõi, phân tích và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số; chủ động ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng bài giảng điện tử, học liệu số và khai thác hiệu quả các nền tảng số trong quá trình giảng dạy.

Hạ tầng công nghệ thông tin và các thiết bị phục vụ dạy học của nhà trường từng bước được đầu tư, nâng cấp; hệ thống mạng Internet, phòng Tin học, thiết bị trình chiếu và các phương tiện hỗ trợ dạy học cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động giáo dục trên môi trường số.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường vẫn còn một số khó khăn như: một số thiết bị công nghệ thông tin đã qua nhiều năm sử dụng; nguồn học liệu số tự xây dựng chưa thật sự phong phú; năng lực ứng dụng công nghệ số của đội ngũ giáo viên chưa đồng đều; nguồn kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; đẩy mạnh bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; phát triển kho học liệu số dùng chung; nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra đánh giá và các hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

Kết quả tự đánh giá

Tổng số tiêu chí: 07 tiêu chí.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 07/07 tiêu chí.

Tổng điểm chuyển đổi số trong dạy, học: 95/100 điểm.

Tỷ lệ tiêu chí đạt: 100%.

Kết luận: Căn cứ kết quả tự đánh giá theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục, nhà trường tự xác định:

Mức độ chuyển đổi số trong dạy, học: Mức độ 3

Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học cơ bản đáp ứng các yêu cầu của Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; tạo nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số trong nhà trường.

II. NHÓM TIÊU CHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN TRỊ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Trong những năm qua, nhà trường luôn xác định chuyển đổi số trong quản trị là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng các hoạt động giáo dục. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; thành lập bộ phận phụ trách chuyển đổi số; triển khai các phần mềm quản trị nhà trường và các dịch vụ trực tuyến phục vụ công tác quản lý, điều hành.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị đã góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của nhà trường; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh trong quá trình trao đổi thông tin, khai thác dữ liệu và thực hiện các dịch vụ giáo dục.

Nhà trường tiến hành tự đánh giá các tiêu chí thuộc Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục nhằm xác định mức độ đáp ứng các yêu cầu của Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số; từ đó xây dựng các giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường trên môi trường số.

1. Tiêu chí 2.1. Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (*Điều kiện bắt buộc*)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Tổ công nghệ thông tin nhằm tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong nhà trường (MC2.1.01).

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số do Hiệu trưởng làm Trưởng ban; các Phó Hiệu trưởng làm Phó Trưởng ban; thành viên gồm cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên có năng lực công nghệ thông tin và các bộ phận liên quan (MC2.1.02).

Nhà trường phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Ban Chỉ đạo và Tổ công nghệ thông tin; quy định rõ trách nhiệm trong công tác tham mưu, triển khai, hỗ trợ kỹ thuật, quản trị hệ thống, quản lý dữ liệu và hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số (MC2.1.03).

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm; tổ chức các cuộc họp định kỳ để đánh giá kết quả thực hiện, đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn và triển khai các nhiệm vụ mới theo chỉ đạo của cấp trên (MC2.1.04).

Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của nhà trường được triển khai thống nhất, có sự phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn, văn phòng, kế toán, thư viện và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường (MC2.1.05).

b) Điểm mạnh

Nhà trường đã thành lập đầy đủ Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và bộ phận phụ trách công nghệ thông tin theo quy định.

Cơ cấu tổ chức phù hợp, có sự tham gia của lãnh đạo nhà trường và các bộ phận liên quan.

Nhiệm vụ của từng thành viên được phân công rõ ràng, cụ thể.

Ban Chỉ đạo hoạt động thường xuyên, kịp thời triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

Đội ngũ phụ trách công nghệ thông tin có tinh thần trách nhiệm, chủ động hỗ trợ cán bộ, giáo viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

c) Điểm yếu

Số lượng nhân sự có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin còn hạn chế.

Một số thành viên Ban Chỉ đạo kiêm nhiệm nhiều công việc nên thời gian dành cho hoạt động chuyển đổi số chưa nhiều.

Công tác nghiên cứu, cập nhật các công nghệ mới và xu hướng chuyển đổi số còn gặp khó khăn do điều kiện nhân lực và thời gian.

d) Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2026–2027, nhà trường tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và Tổ công nghệ thông tin phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho các thành viên Ban Chỉ đạo; cử cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu về công nghệ thông tin và chuyển đổi số do các cấp tổ chức.

Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên có năng lực công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ đồng nghiệp, xây dựng học liệu số và triển khai các nền tảng số trong nhà trường.

Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác chuyển đổi số.

Tiếp tục tham mưu với các cấp quản lý giáo dục để được hỗ trợ về nhân lực, chuyên môn và cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số.

2. Tiêu chí 2.2. Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (Điều kiện bắt buộc)

a) Mô tả hiện trạng

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

và chuyển đổi số trong giáo dục, nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm gắn với nhiệm vụ năm học và chiến lược phát triển nhà trường (MC2.2.01).

Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của nhà trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện, phân công trách nhiệm và nguồn lực triển khai. Nội dung kế hoạch tập trung vào các lĩnh vực như: phát triển hạ tầng công nghệ thông tin; số hóa dữ liệu; triển khai phần mềm quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, kiểm tra đánh giá; phát triển nguồn nhân lực số; bảo đảm an toàn thông tin và thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong các hoạt động giáo dục (MC2.2.02).

Sau khi ban hành, kế hoạch được phổ biến đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để tổ chức thực hiện. Các tổ chuyên môn, các bộ phận trong nhà trường căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện theo đúng tiến độ (MC2.2.03).

Ban Giám hiệu thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo định kỳ theo quy định. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện được kịp thời tháo gỡ nhằm bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đề ra (MC2.2.04).

Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng chuyển đổi số của ngành giáo dục (MC2.2.05).

b) Điểm mạnh

Nhà trường ban hành đầy đủ kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định.

Nội dung kế hoạch bám sát các văn bản chỉ đạo của ngành và phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện được xác định rõ ràng, cụ thể.

Có sự phân công trách nhiệm cho từng bộ phận, cá nhân trong quá trình tổ chức thực hiện.

Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện được thực hiện thường xuyên.

c) Điểm yếu

Một số nội dung trong kế hoạch còn phụ thuộc vào nguồn kinh phí và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường.

Tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ chuyển đổi số chưa thật sự đồng đều giữa các bộ phận.

Việc dự báo nhu cầu đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong dài hạn còn gặp khó khăn.

Một số chỉ tiêu về số hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ mới cần tiếp tục được nâng cao.

d) Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2026–2027, nhà trường tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo hướng cụ thể, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phát huy vai trò trách nhiệm của từng cá nhân trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Tiếp tục tham mưu với các cấp quản lý giáo dục và huy động các nguồn lực hợp pháp để đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

Định kỳ đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch; kịp thời điều chỉnh các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong quản trị, dạy học và các hoạt động giáo dục; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, dữ liệu và các quy trình quản lý của nhà trường.

3. Tiêu chí 2.3. Triển khai phần mềm quản trị nhà trường (70 điểm)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã triển khai sử dụng hệ thống phần mềm quản trị nhà trường nhằm phục vụ công tác quản lý, điều hành và thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động giáo dục. Phần mềm quản trị được sử dụng thống nhất trong toàn trường, đáp ứng yêu cầu quản lý hồ sơ, dữ liệu, điều hành công việc và kết nối với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (MC2.3.01).

Nhà trường đã ban hành Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường, quy định trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc khai thác, sử dụng, cập nhật và bảo mật dữ liệu trên hệ thống (MC2.3.02).

2.3.1. Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường

Nhà trường ban hành Quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường, trong đó quy định rõ phạm vi sử dụng, phân quyền tài khoản, trách nhiệm cập nhật dữ liệu, bảo mật thông tin và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình sử dụng phần mềm (MC2.3.03).

2.3.2. Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)

Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý học sinh để quản lý đầy đủ hồ sơ học sinh, thông tin cá nhân, kết quả học tập, quá trình rèn luyện, khen thưởng và các dữ liệu liên quan. Hồ sơ học sinh được cập nhật thường xuyên, chính xác và đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục (MC2.3.04).

2.3.3. Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử

Nhà trường thực hiện sử dụng sổ điểm điện tử theo quy định; giáo viên cập nhật kết quả đánh giá học sinh trên phần mềm, bảo đảm chính xác, kịp thời và thuận tiện cho công tác quản lý. Đồng thời, nhà trường từng bước triển khai học bạ số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục (MC2.3.05).

2.3.4. Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Thông tin về cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cập nhật và quản lý trên phần mềm quản trị nhân sự. Dữ liệu về trình độ đào tạo, quá trình công tác, kết quả đánh giá, bồi dưỡng chuyên môn được lưu trữ đầy đủ, phục vụ công tác quản lý và báo cáo (MC2.3.06).

2.3.5. Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất

Nhà trường thực hiện quản lý tài sản, trang thiết bị, phòng học, phòng chức năng và cơ sở vật chất trên hệ thống phần mềm. Việc cập nhật, theo dõi tình trạng sử dụng tài sản được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng cơ sở vật chất (MC2.3.07).

2.3.6. Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, sức khỏe học sinh

Nhà trường cập nhật, quản lý thông tin sức khỏe học sinh, hồ sơ y tế học đường và các dữ liệu liên quan trên phần mềm hoặc các biểu mẫu điện tử phù hợp. Công tác theo dõi sức khỏe học sinh được thực hiện thường xuyên và phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe học đường (MC2.3.08).

2.3.7. Triển khai phân hệ quản lý kế toán

Nhà trường sử dụng phần mềm kế toán theo quy định hiện hành để quản lý thu, chi ngân sách, các khoản thu dịch vụ, tài sản và các hoạt động tài chính khác. Dữ liệu kế toán được lưu trữ, quản lý và báo cáo đầy đủ theo quy định của Nhà nước (MC2.3.09).

2.3.8. Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử

Thư viện nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sách, tài liệu, thiết bị thư viện; từng bước số hóa tài liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động đọc sách, nghiên cứu và học tập của giáo viên, học sinh (MC2.3.10).

2.3.9. Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên

Hồ sơ chuyên môn của giáo viên được lưu trữ và quản lý trên hệ thống điện tử gồm: kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy, hồ sơ chủ nhiệm, hồ sơ đánh giá học sinh và các loại hồ sơ chuyên môn khác theo quy định (MC2.3.11).

2.3.10. Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác

Nhà trường sử dụng hiệu quả các phần mềm hỗ trợ quản lý điều hành như: hệ thống quản lý văn bản điện tử, thư điện tử công vụ, cổng thông tin điện tử, chữ ký số và các nền tảng họp trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc và trao đổi thông tin (MC2.3.12).

2.3.11. Kết nối, trao đổi dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành

Các phần mềm quản trị nhà trường được triển khai bảo đảm khả năng kết nối, đồng bộ và trao đổi dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành (MC2.3.13).

b) Điểm mạnh

Nhà trường triển khai đồng bộ hệ thống phần mềm quản trị trong nhiều lĩnh vực quản lý.

Dữ liệu học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên được cập nhật thường xuyên và quản lý tập trung.

Sổ điểm điện tử, học bạ số và các phần mềm quản lý chuyên ngành được sử dụng hiệu quả.

Các hoạt động quản lý, điều hành được thực hiện trên môi trường số, góp phần giảm hồ sơ giấy tờ và nâng cao hiệu quả công việc.

Hệ thống dữ liệu được kết nối với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo quy định.

c) Điểm yếu

Một số phân hệ chưa được khai thác đầy đủ các chức năng nâng cao.

Kỹ năng sử dụng phần mềm của một số cán bộ, giáo viên còn chưa đồng đều.

Việc số hóa hoàn toàn một số loại hồ sơ chuyên môn vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Hạ tầng công nghệ thông tin và đường truyền Internet đôi khi ảnh hưởng đến tốc độ xử lý dữ liệu.

d) Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2026–2027, nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc triển khai các phân hệ của phần mềm quản trị nhà trường; bảo đảm khai thác đầy đủ các tính năng phục vụ công tác quản lý và điều hành.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng phần mềm cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; nâng cao năng lực khai thác và sử dụng dữ liệu số trong công tác chuyên môn.

Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu và quy trình quản lý; giảm dần việc sử dụng hồ sơ giấy trong các hoạt động của nhà trường.

Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường bảo đảm an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát chất lượng dữ liệu trên hệ thống; bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

e) Tự đánh giá

Số điểm đạt được: **70/70 điểm**.

Đạt: **Mức độ 3**.

Kết luận về Tiêu chí 2.3: Nhà trường đã triển khai đầy đủ, hiệu quả hệ thống phần mềm quản trị nhà trường trên các lĩnh vực quản lý học sinh, đội ngũ, tài chính, cơ sở vật chất, thư viện, hồ sơ chuyên môn và điều hành. Các phần mềm được kết nối, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và thúc đẩy chuyển đổi số trong nhà trường. Tiêu chí 2.3 đạt **Mức độ 3**.

4. Tiêu chí 2.4. Triển khai dịch vụ trực tuyến (30 điểm)

a) Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã tích cực triển khai các dịch vụ trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người học, phụ huynh học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; đồng thời góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục. Các dịch vụ trực tuyến được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định của ngành giáo dục (MC2.4.01).

Nhà trường sử dụng các nền tảng số, phần mềm quản lý giáo dục và các ứng dụng kết nối để trao đổi thông tin, tiếp nhận phản hồi, cung cấp dịch vụ giáo dục và thực hiện các giao dịch điện tử giữa nhà trường với phụ huynh học sinh (MC2.4.02).

2.4.1. Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường

Nhà trường triển khai các ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường như: hệ thống liên lạc điện tử, sổ liên lạc điện tử, ứng dụng quản lý học sinh hoặc các nền tảng trao đổi thông tin trực tuyến khác. Thông qua các ứng dụng này, phụ huynh có thể theo dõi kết quả học tập, quá trình rèn luyện, chuyên cần của học sinh; nhận thông báo từ nhà trường và trao đổi thông tin với giáo viên một cách thuận tiện (MC2.4.03).

Tỷ lệ phụ huynh tham gia sử dụng các ứng dụng kết nối đạt mức cao; việc trao đổi thông tin giữa gia đình và nhà trường được thực hiện thường xuyên, kịp thời và hiệu quả.

2.4.2. Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến

Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đầu cấp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục. Trong thời gian tuyển sinh, nhà trường triển khai tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh vừa trực tuyến vừa trực tiếp.

Cán bộ phụ trách tuyển sinh được phân công hỗ trợ phụ huynh trong quá trình đăng ký, tra cứu thông tin và hoàn thiện hồ sơ tuyển sinh trên môi trường điện tử; góp phần giảm thời gian đi lại với những phụ huynh đi làm xa và nâng cao tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển sinh.

2.4.3. Triển khai dịch vụ thu phí giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt

Nhà trường đã phối hợp với ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ để triển khai hình thức thu các khoản dịch vụ giáo dục không dùng tiền mặt. Phụ huynh học sinh có thể thực hiện thanh toán thông qua tài khoản ngân hàng, mã QR, ví điện tử hoặc các hình thức thanh toán điện tử khác theo quy định (MC2.4.04).

Việc thanh toán không dùng tiền mặt góp phần giảm áp lực trong công tác thu, nộp các khoản dịch vụ giáo dục; đồng thời bảo đảm tính minh bạch, chính xác và thuận tiện cho phụ huynh học sinh cũng như nhà trường.

b) Điểm mạnh

Nhà trường triển khai hiệu quả các dịch vụ trực tuyến phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ người học.

Ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường được sử dụng thường xuyên, giúp tăng cường sự phối hợp trong công tác giáo dục học sinh.

Hình thức thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai và từng bước nâng cao tỷ lệ sử dụng.

Các dịch vụ trực tuyến góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thủ tục hành chính và tăng tính công khai, minh bạch.

c) Điểm yếu

Một số phụ huynh học sinh còn hạn chế về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và các dịch vụ trực tuyến.

Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chưa đạt 100%.

Một số thời điểm hệ thống trực tuyến có thể gặp khó khăn do lượng người truy cập lớn hoặc đường truyền Internet chưa ổn định.

Việc khai thác một số tính năng nâng cao của các ứng dụng kết nối còn hạn chế.

Chỉ tuyển sinh trực tuyến với những trường hợp phụ huynh đi làm xa.

d) Kế hoạch cải tiến

Trong năm học 2026–2027, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền và hướng dẫn phụ huynh học sinh sử dụng hiệu quả các dịch vụ trực tuyến, đặc biệt là các ứng dụng kết nối gia đình – nhà trường và thanh toán không dùng tiền mặt.

Tăng cường phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống, bảo đảm tính ổn định, an toàn và thuận tiện trong quá trình sử dụng.

Tiếp tục nâng cao tỷ lệ thực hiện các giao dịch điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và sử dụng hồ sơ điện tử trong các hoạt động của nhà trường.

Thường xuyên khảo sát mức độ hài lòng của phụ huynh học sinh đối với các dịch vụ trực tuyến; kịp thời điều chỉnh và bổ sung các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động hành chính, quản lý và cung cấp dịch vụ giáo dục, góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số của nhà trường.

e) Tự đánh giá

Số điểm đạt được: **22/30 điểm**.

Đạt: **Mức độ 3**.

Kết luận về tiêu chí 2.4: Nhà trường đã triển khai hiệu quả các dịch vụ trực tuyến phục vụ công tác quản lý, tuyển sinh, kết nối gia đình – nhà trường và thanh toán không dùng tiền mặt. Các dịch vụ được vận hành ổn định, tạo thuận lợi cho phụ huynh học sinh, nâng cao chất lượng phục vụ và góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nhà trường. Tiêu chí 2.4 đạt **Mức độ 3**.

Kết luận về Nhóm Tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Qua quá trình tự đánh giá các tiêu chí thuộc Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (từ Tiêu chí 2.1 đến Tiêu chí 2.4), nhà trường nhận thấy công tác chuyển đổi số trong quản trị đã được triển khai đồng bộ, từng bước hiện đại hóa các hoạt động quản lý, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Nhà trường đã thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và bộ phận phụ trách công nghệ thông tin; ban hành đầy đủ các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hằng năm; xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của ngành giáo dục.

Các phần mềm quản trị nhà trường được triển khai tương đối đầy đủ trên nhiều lĩnh vực như quản lý học sinh, quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, sổ điểm điện tử, học bạ số, cơ sở vật chất, tài chính – kế toán, thư viện, hồ sơ chuyên môn và các hoạt động điều hành khác. Việc ứng dụng phần mềm quản lý đã góp phần nâng cao chất lượng quản trị, giảm khối lượng hồ sơ giấy tờ, tăng tính chính xác, minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý.

Nhà trường đã triển khai hiệu quả các dịch vụ trực tuyến như ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường, tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ hỗ trợ khác. Các hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người học, phụ huynh học sinh và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trong giáo dục.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường vẫn còn một số khó khăn như: nguồn lực đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế; một số cán bộ, giáo viên còn gặp khó khăn trong việc khai thác các tính năng nâng cao của phần mềm; tỷ lệ sử dụng một số dịch vụ trực tuyến chưa đồng đều; việc số hóa toàn bộ hồ sơ, dữ liệu trong một số lĩnh vực vẫn đang tiếp tục hoàn thiện.

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyên đổi số trong quản trị; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; mở rộng và nâng cao hiệu quả sử dụng các phần mềm quản trị, dịch vụ trực tuyến; đồng thời tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và kết nối đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

Kết quả tự đánh giá

Tổng điểm chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: **92/100 điểm** Căn cứ kết quả tự đánh giá theo Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục, nhà trường tự xác định:

Mức độ chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: MỨC ĐỘ 3

Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ và tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng nhà trường số trong giai đoạn tiếp theo.

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục phổ thông và kết quả tự đánh giá của nhà trường năm học 2025–2026, Hội đồng tự đánh giá thống nhất kết luận như sau:

1. Kết quả tự đánh giá theo các mức độ

Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong dạy, học

Tổng số tiêu chí: 07 tiêu chí (*trong đó có tiêu chí 1 và 2 là điều kiện bắt buộc*)

Số tiêu chí đạt Mức độ 1: 07/07 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

Số tiêu chí đạt Mức độ 2: 07/07 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

Số tiêu chí đạt Mức độ 3: 07/07 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

Nhóm tiêu chí Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

Tổng số tiêu chí: 04 tiêu chí (*trong đó có tiêu chí 1 và 2 là điều kiện bắt buộc*).

Số tiêu chí đạt Mức độ 1: 04/04 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

Số tiêu chí đạt Mức độ 2: 04/04 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

Số tiêu chí đạt Mức độ 3: 04/04 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

Tổng hợp chung

Tổng số tiêu chí đánh giá: 11 tiêu chí.

Số tiêu chí đạt Mức độ 1: 11/11 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

Số tiêu chí đạt Mức độ 2: 11/11 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

Số tiêu chí đạt Mức độ 3: 11/11 tiêu chí, đạt tỷ lệ 100%.

2. Tổng điểm tự đánh giá

Tổng điểm Chuyển đổi số trong dạy, học: **95/100 điểm**.

Tổng điểm Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: **92/100 điểm**.

3. Mức độ chuyển đổi số của nhà trường

Căn cứ kết quả tự đánh giá các tiêu chí theo quy định, nhà trường tự xác định:

Mức độ chuyển đổi số trong dạy, học: **Mức độ 3**.

Mức độ chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục: **Mức độ 3**.

Cơ sở giáo dục đề nghị công nhận đạt Mức độ 3 về chuyển đổi số năm học 2025–2026.

4. Kết luận chung

Trong năm học 2025–2026, nhà trường đã triển khai tương đối toàn diện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong cả lĩnh vực dạy học và quản trị nhà trường. Hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được đầu tư đồng bộ; các phần mềm quản trị được khai thác hiệu quả; công tác số hóa hồ sơ, học liệu, dữ liệu giáo dục được đẩy mạnh; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong công việc.

Kết quả tự đánh giá cho thấy nhà trường đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục. Đây là cơ sở quan trọng để nhà trường tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, từng bước xây dựng môi trường giáo dục số hiện đại, nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả quản trị trong những năm học tiếp theo.

Giao Minh, ngày 5 tháng 6 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

A red circular stamp with the text "TRƯỜNG TIỂU HỌC GIAO THIÊN" in the center. The outer ring of the stamp contains the text "U.B.N.D XÃ GIAO MINH T. NINH HƯNG" and a small star at the bottom. A blue ink signature is written over the stamp.

VŨ BÌNH XUYÊN

**MẪU 03 BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC GIAO THIÊN
NĂM HỌC 2025 – 2026**

ST T	Tiêu chí	Điểm tự đánh giá	Đường link minh chứng
1	Chuyển đổi số trong dạy, học	95/100	
1.1	<i>Ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp)</i>	x	https://drive.google.com/drive/folders/1OV01WiyqGsSsFNOMznVc8Jy6RymB0TH?usp=sharing
1.2	<i>Ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến</i>	x	https://drive.google.com/drive/folders/1pqXhpc_rPk_DZZ-772MfxU0uF-ZJtSni?usp=sharing
1.3	<i>Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến:</i>	25/30	https://drive.google.com/drive/folders/19vAx2dXvGpGaf75dSBY9JZqHTI81jyw6?usp=sharing
1.3.1	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp (hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS))	4	https://drive.google.com/file/d/1dDN9VkUld-TKYnKuZyzVHajn5egOJrO/view?usp=sharing
1.3.2	(1) Có chức năng giáo viên giao bài cho học sinh tự học	6	https://drive.google.com/file/d/1MLwgkf5_h-opuZwpjc8KCkyJTAWo3obL/view?usp=drive_link
1.3.3	(2) Có chức năng giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh	6	https://drive.google.com/file/d/1-5mhErZox5NLHrnfhCIWr216PHuhyxgQ/view?usp=drive_link
1.3.4	(3) Có chức năng tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên	3	https://drive.google.com/file/d/1YpPm56ImFovRyxXub-rRvm0vg2EubPDz/view?usp=drive_link
1.3.5	(4) Có chức năng phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh	6	https://drive.google.com/file/d/1mfjpp4OfwaZa116N6fRzT0Ytys5MrO_u/view?usp=drive_link

1.4	Số hóa các học liệu	10/10	https://drive.google.com/drive/folders/1_C0NsGY45a1dmncLRB9_p7PH3VTTZ0Eg?usp=sharing
1.5	Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	20/20	https://drive.google.com/drive/folders/1awG-ejw1IBjSJJLtmKtiC3ESCUPRJyr6?usp=sharing
1.5 .1	Tổ chức triển khai thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính	15	https://drive.google.com/file/d/1tn8Rf3hsshbBxF51YtaflLQ6Jq9nE8pT/view?usp=sharing
1.5 .2	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	5	https://drive.google.com/file/d/12kLn5kJom2J9sLd3JOj9y73kdgd7J8q3/view?usp=sharing
1.6	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	20/20	https://drive.google.com/drive/folders/1ENp2a58rwYmlDT77WxxxMQOGNO1u6bgH?usp=sharing
1.6 .1	Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	7	https://drive.google.com/file/d/1JpZ8NTsK7opj-nh135yEpBECVRvnhThH/view?usp=drive_link
1.6 .2	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	7	https://drive.google.com/file/d/1seFYE799r82yGvsqUJ0KLZnorqBWjCeD/view?usp=drive_link
1.6 .3	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	6	https://drive.google.com/file/d/1OTiYhQU5nNl-6EKE9C3B3J_0tP3g4g73/view?usp=drive_link
1.7	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học	20/20	https://drive.google.com/drive/folders/17nwZ23pl1ggPjnOvBBRMy8BiKpTc7FBw?usp=sharing
1.7 .1	Phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học	8	https://drive.google.com/file/d/1sw61tZhWIZVguujq6vRrof1kcZDT1E51/view?usp=drive_link
1.7 .2	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học	7	https://drive.google.com/file/d/1SPXjxDYdERug-UnkmIGAv_J6t6beLfXL/view?usp=drive_link
1.7 .3	Có phòng studio	5	https://drive.google.com/file/d/1SPXjxDYdERug-UnkmIGAv_J6t6beLfXL/view?usp=drive_link
2	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	92/100	

2.1	Thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	x	https://drive.google.com/drive/folders/1EHXhDHehLRCysAkLEiDKj_9pdWdT6UVQ?usp=sharing
2.2	Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	x	https://drive.google.com/drive/folders/1q6NLDN_H1ppllyo49U_I2OCXDkUnp900?usp=sharing
2.3	Triển khai phần mềm quản trị nhà trường	70/70	https://drive.google.com/drive/folders/1Ue_gldzAE7znOgN0ZQfRDUXH-OX23s46?usp=sharing
2.3 .1	Ban hành quy chế sử dụng hệ thống quản trị nhà trường	6	https://drive.google.com/file/d/1D2gfLdmTMHkxb6mXD_ySiXAO9FFLpVt/view?usp=sharing
2.3 .2	Triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	6	https://drive.google.com/file/d/1L0ffv8jQ1gTBdR6lhrO_maVeEsvYcYpM/view?usp=sharing
2.3 .3	Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử	6	https://drive.google.com/file/d/1nwP58Cbw6bBvlvEbY3x1p_3dlcFIOfxH/view?usp=sharing
2.3 .4	Triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV	6	https://drive.google.com/file/d/1grqnI9YRvuB7tUXGFvhvYnBkdnSgnSFV/view?usp=sharing
2.3 .5	Triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất	6	https://drive.google.com/file/d/1grqnI9YRvuB7tUXGFvhvYnBkdnSgnSFV/view?usp=drive_link
2.3 .6	Triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh	6	https://drive.google.com/file/d/1grqnI9YRvuB7tUXGFvhvYnBkdnSgnSFV/view?usp=drive_link
2.3 .7	Triển khai phân hệ quản lý kế toán	6	https://drive.google.com/file/d/1grqnI9YRvuB7tUXGFvhvYnBkdnSgnSFV/view?usp=drive_link
2.3 .8	Triển khai phân hệ quản lý thư viện điện tử	6	https://drive.google.com/file/d/1grqnI9YRvuB7tUXGFvhvYnBkdnSgnSFV/view?usp=drive_link
2.3 .9	Triển khai phân hệ quản lý hồ sơ chuyên môn giáo viên	6	https://drive.google.com/file/d/1grqnI9YRvuB7tUXGFvhvYnBkdnSgnSFV/view?usp=drive_link
2.3 .10	Triển khai các phần mềm phục vụ quản lý điều hành khác: Cổng thông tin điện tử, quản lý văn bản điện tử...	6	https://drive.google.com/file/d/1grqnI9YRvuB7tUXGFvhvYnBkdnSgnSFV/view?usp=drive_link

2.3 .11	Triển khai các phần mềm quản trị nhà trường đảm bảo kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành của Sở GDĐT, của Bộ GDĐT	10	https://drive.google.com/file/d/1grqnI9YRvuB7tUXGFvhvYnBkdnSgnSFV/view?usp=drive_link
2.4	Triển khai dịch vụ trực tuyến	22/30	https://drive.google.com/drive/folders/1pxvRrbkp-ttk5nKj2Y71fCH97KISm6DL?usp=sharing
2.4 .1	Triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	7	https://drive.google.com/file/d/1I6Lo8GAX9Gh755BsNV5ZW8-TLIN6HEZ/view?usp=drive_link
2.4 .2	Triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến	5	https://drive.google.com/file/d/1KIAjz3qRqp9x8tGfQKJd8J4rIXIPq8S3/view?usp=drive_link
2.4 .3	Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt	10	https://drive.google.com/file/d/1saGovvNj747rwfcKIIHTwoZs5G3hvSjO/view?usp=sharing
	Mức độ chuyển đổi số trong dạy, học:	95/100	
	Mức độ chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục:	92/100	
	Mức độ chuyển đổi số của đơn vị:	187/200	

HIỆU TRƯỞNG



VŨ BÌNH XUYÊN

